

Bản án số: 04/2018/DS-ST

Ngày: 06/02/018

*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản giữa bà T và anh Q*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tư Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lâm Giang;

2. Ông Nguyễn Quốc Sửu

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang;

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Ông bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên;

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2017/TLST- DS ngày 12 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2018 và theo quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2018/QĐST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Vương Thị T, sinh năm 1954; nơi cư trú: thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. Bị đơn:

- Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1971. (vắng mặt).

- Chị Trần Thị C, sinh năm 1977. (vắng mặt).

Đều cư trú: thôn K, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1948, nơi cư trú: thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Ủy quyền cho bà Vương Thị T (theo văn bản ủy quyền lập ngày 24/11/2017). (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 10 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Vương Thị T trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với vợ chồng anh Q, chị C nên bà đã nhiều lần cho vợ chồng anh Q, chị C vay tiền cụ thể: Lần thứ nhất anh Q trực tiếp đến nhà bà vay số tiền 180.000.000 đồng, lần thứ hai anh Q tiếp tục vay 100.000.000 đồng, lần thứ ba chị C trực tiếp đến nhà bà vay số tiền 20.000.000 đồng, lần thứ tư anh Q trực tiếp vay số tiền 3.700.000 đồng. Do lâu ngày nên bà không nhớ cụ thể vợ chồng anh Q, chị C vay tiền ngày nào, bà chỉ nhớ các lần vay trên thì các bên đều viết giấy biên nhận. Khi vay hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 1.500 đồng/triệu/ngày, nhưng vợ chồng anh Q, chị C mới trả bà được số tiền lãi lãi 4.500.000 đồng. Đến ngày 19/9/2015, tại nhà anh Q, bà và vợ chồng anh Q, chị C cộng tổng số tiền gốc đã vay thành 303.700.000 đồng (ba trăm linh ba triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn) và anh Q đã viết lại giấy nhận tiền sau đó anh Q, chị C đã ký vào phần người nhận tiền. Khi chốt nợ hai bên có thỏa thuận thời hạn trả là 20 ngày kể từ ngày chốt nợ, thỏa thuận miệng lãi suất 1.500 đồng/triệu/ngày. Ngày 18/11/2015, bà có đến nhà vợ chồng anh Q để yêu cầu vợ chồng anh Q trả tiền. Vợ chồng anh Q nói là sẽ trả làm 02 đợt, đợt 1 ngày 14/01/2016 trả 100.000.000 đồng và đợt 2 ngày 14/4/2016 trả 203.000.000 đồng. Sau đó vợ chồng anh Q viết giấy cam kết và ký tên. Quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng chị C, anh Q đã thanh toán trả cho vợ chồng bà số tiền gốc tổng cộng là 30.000.000 đồng. Nay bà xác định vợ chồng anh Q, C còn nợ vợ chồng bà số tiền 273.700.000 đồng. Bà yêu cầu vợ chồng anh Q, chị C phải thanh toán trả cho vợ chồng bà số tiền gốc là 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi là 45.000.000 đồng (bốn mươi năm triệu đồng). Còn số tiền 3.700.000 đồng, bà không yêu cầu vợ chồng anh Q, chị C phải trả.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Vương Thị T có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Với tư cách là đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Ngọc H, bà Vương Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 30/10/2017 và các biên bản ghi lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Trần Thị C trình bày: chị có được biết chồng chị là anh Nguyễn Văn Q vay của vợ chồng bà Vương Thị T số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) chứ không phải là 303.700.000 đồng như bà T trình bày. Trong số này có 20.000.000 đồng do chị trực tiếp đến nhận tiền tại nhà bà T. Chị không nhớ ngày tháng chị nhận số tiền 20.000.000 đồng này. Chị không được biết giữa anh Q và vợ chồng bà T có thỏa thuận như thế nào về thời hạn trả, lãi suất trả. Sau khi anh Q vay tiền của bà T, chị có tự nguyện và trực tiếp trả cho bà T số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), trả làm nhiều lần, khi trả hai bên không làm biên nhận tiền. Chị thừa nhận chữ ký

“Chinh” và chữ viết “Trần Thị C” trong giấy vay tiền ngày 19/9/2015 và trong giấy cam kết ngày 18/11/2015 là chữ viết và chữ ký của chị. Khi chị ký tên vào các giấy tờ trên thì chưa có phần nội dung. Nay bà T yêu cầu vợ chồng chị phải thanh toán trả cho vợ chồng bà số tiền gốc là 270.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 45.000.000 đồng, chị không đồng ý. Vì chị xác định chị không vay vợ chồng bà T khoản tiền nào, việc vay tiền giữa vợ chồng bà T và anh Q chị không có liên quan nên chị không có trách nhiệm trả. Về số tiền lãi chị đã thanh toán trả cho bà T thì chị không yêu cầu Tòa án tính lại. Hiện chị không biết địa chỉ anh Q đang ở đâu, anh Q đi làm ăn không thấy về nhà.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Thị C vắng mặt.

Anh Nguyễn Văn Q đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng nhưng anh Q không đến Tòa án làm việc để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Văn Q vắng mặt.

Tham gia phiên tòa, đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng, tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc vợ chồng anh Q, chị C có trách nhiệm trả bà T, ông Hiền số tiền gốc là 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng) và số tiền lãi là 45.000.000 đồng.

Về án phí: vợ chồng chị Chinh, anh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn Q vẫn có hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang nhưng vắng mặt tại địa phương. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng nhưng anh Q không đến Tòa án làm việc nên thuộc trường hợp cố tình che giấu địa chỉ nhằm trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Anh Q, chị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2]. Về số tiền nợ: Tại giấy nhận tiền ngày 19/9/2015, Bà T xác định số tiền trong giấy biên nhận trên là cộng dồn của 04 lần vay trước và anh Q là người trực tiếp viết giấy, sau đó cả anh Q và chị C đều ký vào phần người nhận tiền. Sau khi viết giấy thì vợ chồng chị Chinh, anh Q đã thanh toán trả được cho vợ chồng bà số tiền gốc là 30.000.000 đồng. Còn chị C cho rằng anh Q có vay tiền của vợ chồng bà T nhưng số tiền vay là 90.000.000 đồng. Chị không biết giữa

anh Q và vợ chồng bà T thỏa thuận như thế nào về lãi suất và thời hạn trả nhưng chị thừa nhận chị có 01 lần trực tiếp nhận số tiền 20.000.000 đồng và chị cũng đã thanh toán trả cho vợ chồng bà T số tiền 70.000.000 đồng. Khi chị trả số tiền trên hai bên không làm biên nhận tiền và cũng không có ai chứng kiến. Chị Ckhăng định chữ ký “C” và chữ viết “Trần Thị C” trong giấy nhận tiền ngày 19/9/2015. Chị không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh việc chị đã thanh toán trả cho bà T số tiền 70.000.000 đồng như chị trình bày. Như vậy, có căn cứ khẳng định, vợ chồng anh Q, chị C có vay số tiền 303.700.000 đồng của vợ chồng bà T. Đến hạn thanh toán, bà T đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh Q, chị C trả nợ nhưng vợ chồng anh Q mới trả được cho bà T 30.000.000 đồng, sau đó không trả số tiền còn lại nên bà T phải có khởi kiện ra Tòa án để giải quyết. Yêu cầu khởi kiện của bà T là phù hợp với quy định tại các Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc vợ chồng anh Q, chị C phải thanh toán trả cho vợ chồng bà T số tiền gốc là 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng chẵn).

[3]. Về lãi suất: Trong giấy nhận tiền đề ngày 19/9/2015, các bên không thỏa thuận về lãi suất nhưng có thỏa thuận về thời hạn trả là ngày 29/9/2015. Như vậy theo khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 thì vợ chồng anh Q, chị C phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do của Ngân hàng nhà công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Mặt khác, số tiền 30.000.000 đồng mà vợ chồng anh Q, chị C trả cho bà T, các bên đều không nhớ trả thời gian nào. Do đó số tiền lãi được tính cụ thể là $273.700.000 \text{ đồng} \times 0,75\% \times 28 \text{ tháng } 07 \text{ ngày} = 57.620.600 \text{ đồng}$. Nay bà T chỉ yêu cầu vợ chồng anh Q, chị C phải trả số tiền lãi là 45.000.000 đồng. Do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu trên của nguyên đơn.

[4]. Về lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Bà T yêu cầu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật do đó cần áp dụng Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để giải quyết

[5]. Về án phí sơ thẩm: anh Q, chị C phải chịu 15.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Buộc anh Nguyễn Văn Q, chị Trần Thị C phải thanh toán trả cho bà Vương Thị T, ông Nguyễn Ngọc H số tiền gốc 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng chẵn) và tiền lãi 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468, tương ứng với số tiền chậm trả ở thời điểm thanh toán.

3. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn Q, chị Trần Thị C phải chịu 15.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết công khai bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Yên;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Tư Duy